TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**:** 103/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2023
V/v Yêu cầu không công nhận
vợ chồng và con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hoài Trang

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bạn, ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nữ Hoàng Yến – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2023/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc "Yêu cầu không công nhận vợ chồng và con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST –HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1986. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị Mai T1, sinh năm 1985 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 181/19/11 Q, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trần Quốc T trình bày: Tôi và bà Vũ Thị Mai T1 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn từ năm 2020. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trầm trọng nên chúng tôi đã ly thân nhau

từ đó cho tới nay. Nay tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với bà T1.

Về con chung: Có 01 cháu là Vũ Minh K, sinh ngày 08/8/2021. Cháu K mang họ mẹ vì chúng tôi chưa đăng ký kết hôn và bà T1 đi làm giấy khai sinh nên cháu K mang họ mẹ. Tôi xác định cháu K là con chung của tôi và bà T1. Tôi đồng ý giao cháu K cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Bị đơn bà Vũ Thị Mai T1 trình bày: Tôi và ông Trần Quốc T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn từ năm 2020. Trong quá trình chung sống chúng tôi không hạnh phúc vì chồng tôi thường xuyên đi chơi, gái gú và nhậu nhẹt…không quan tâm đến vợ đang mang bầu đang thai nghén, mẹ chồng tôi tuy con trai sai nhưng vẫn bênh vực và còn đối xử không tốt với tôi. Đến tháng 4/2021 tôi không chịu đựng nổi và sợ ảnh hưởng tới con nên gia đình tôi đã xin tôi về nhà ngoại ở và ly thân từ thời gian đó cho tới nay. Nay ông T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng thì tôi đồng ý.

Về con chung: Có 01 cháu là Vũ Minh K, sinh ngày 08/8/2021. Cháu K mang họ mẹ vì chúng tôi chưa đăng ký kết hôn và tôi đi làm giấy khai sinh nên cháu K mang họ mẹ, tại mục cha để trống. Tôi xác định cháu K là con chung của tôi và ông T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi đề nghị ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu K mỗi tháng là 3.500.000đồng cho đến khi cháu K đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trình bày**:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Quốc T. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Quốc T và bà Vũ Thị Mai T1 là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Vũ Minh K, sinh ngày 08/8/2021 cho mẹ là bà Vũ Thị Mai T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Trần Quốc T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 07 năm 2023 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Quốc T yêu cầu không công nhận vợ chồng với bà Vũ Thị Mai T1, địa chỉ hộ khẩu thường trú tại phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và con chung*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn ông Trần Quốc T và bị đơn bà Vũ Thị Mai T1 được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc T và bà Vũ Thị Mai T1 tự nguyện chung sống chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn từ năm 2020. Trong quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên ông T, bà T1 ly thân nhau từ tháng 4/2021 cho tới nay. Ông T và bà T1 đều thừa nhận không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T yêu cầu không công nhận vợ chồng do chưa có đăng ký kết hôn và được bà T1 đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của ông T và bà T1 không tuân thủ quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không có giá trị về mặt pháp lý. Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014 không công nhận ông Trần Quốc T và bà Vũ Thị Mai T1 là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Trần Quốc T và bà Vũ Thị Mai T1 có 1 con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 08/8/2021. Hiện cháu K đang ở với mẹ, bà T1 có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu tới tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu K còn nhỏ đang sống với mẹ, việc yêu cầu của bà T1 về việc được nuôi cháu K là phù hợp với thực tế và đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 08/8/2021 cho mẹ là bà Vũ Thị Mai T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

[2.3] Về cấp dưỡng: Ông Trần Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Minh K, sinh ngày 08/8/2021 số tiền 2.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 07 năm 2023 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Trần Quốc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc T

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Quốc T và bà Vũ Thị Mai T1 là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao cháu Vũ Minh K, sinh ngày 08/8/2021 cho mẹ là bà Vũ Thị Mai T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Trần Quốc T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Minh K, sinh ngày 08/8/2021 số tiền 2.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 07 năm 2023 cho đến khi cháu K đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Trần Quốc T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do Văn Công Minh nộp thay Trần Quốc T theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí

số: AA/2022/0002670 ngày 02/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông Trần Quốc T còn phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hoài Trang

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 29 tháng 6 năm 2023.

Tại: Phòng nghị án – Trụ sở tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài T1

Các hội thẩm nhân dân: …….

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 482/2023/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc "Yêu cầu không công nhận vợ chồng và con chung", giữa:

Nguyên đơn ông Trần Quốc T

Bị đơn bà Vũ Thị Mai T1

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật[(8)].

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

2. Về nội dung

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc T

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Quốc T và bà Vũ Thị Mai T1 là vợ chồng.

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

2. Về con chung:

Giao cháu Vũ Minh K, sinh ngày 08/8/2021 cho mẹ là bà Vũ Thị Mai T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông Trần Quốc T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Minh K, sinh ngày 08/8/2021 số tiền 2.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 07 năm 2023 cho đến khi cháu K đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

5. Về án phí: Ông Trần Quốc T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do Văn Công Minh nộp thay Trần Quốc T theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2022/0002670 ngày 02/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông Trần Quốc T còn phải nộp 300.000đồng

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 29tháng 6 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoài T1

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- *Các đương sự (để thi hành).*
- *Toà án nhân dân tỉnh ĐăkLăk*
-*VKSND TP.Buôn Ma Thuột*.
- *Thi hành án dân sự TP.B.*
- *Lưu hồ sơ, vi tính.*

Huỳnh Thành